

Tp. HCM, ngày 28 tháng 03 năm 2016

VĂN BẢN GIẢI TRÌNH

(Về việc: Giải trình số liệu chênh lệch của Báo cáo hợp nhất giữa số lũy kế của báo cáo quý IV và số liệu kiểm toán cả năm 2015)

Kính gửi: Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

Tên công ty: **CTCP THIẾT KẾ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI PHÚC THỊNH**

Mã chứng khoán: PTD

Địa chỉ trụ sở: 2 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Tp. HCM

Mã số thuế: 0302365984

Người đại diện: Ông **TÔ KHẢI ĐẠT**

Chức vụ: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc

A. Căn cứ lấy tỷ giá quy đổi khác nhau là nguyên nhân ảnh hưởng lớn nhất đến sự chênh lệch các chỉ tiêu trong báo cáo

Stt	Tỷ giá tại ngày 31/12/2015	Quý IV (1)	Kiểm toán (2)	Chênh lệch (1) – (2)
1	KHR (*)	4.060	4.049	11
2	USD (**)	22.460	22.440	20

Giải trình:

(*) Quy KHR ra USD

- Báo cáo quý IV quy KHR ra USD sử dụng tỷ giá công bố tháng 12/2015: 4.060 KHR/USD (theo luật thuế Campuchia);
- Báo cáo kiểm toán quy KHR ra USD lấy theo tỷ giá của Báo cáo kiểm toán công ty con sử dụng tỷ giá công bố áp dụng cho báo cáo năm 2015: 4.049 VND/KHR (theo luật thuế Campuchia);

(**) Tỷ giá đánh giá gốc ngoại tệ cuối năm

- Báo cáo quý IV: chọn tỷ giá USD theo phương pháp bình quân theo bảng công bố tỷ giá USD của ngân hàng công ty giao dịch nhiều nhất (ACB – Chi nhánh Tân Bình).

Công thức = Tỷ giá USD (Mua + Chuyển khoản + Bán)/3

$$= (22.420 + 22.440 + 22.520)/3 = 22.460$$

- Báo cáo kiểm toán: chọn tỷ giá chuyển khoản USD theo bảng công bố tỷ giá USD của ngân hàng công ty giao dịch nhiều nhất (ACB – Chi nhánh Tân Bình) là: 22.440 VND/USD

B. Các chỉ tiêu trên bảng cân đối số kế toán, kết quả kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ

1. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Stt	Nội dung	Quý IV (1)	Kiểm toán (2)	Chênh lệch (1) – (2)
1	Doanh thu	501.155.429.447	501.520.637.319	(365.207.872)
2	Giá vốn	452.954.468.050	453.185.702.554	(231.234.504)
3	Doanh thu hoạt động tài chính	999.779.496	911.510.878	88.268.618
4	Chi phí tài chính	988.399.184	993.015.520	(4.616.336)
5	Chi phí quản lý doanh nghiệp	29.975.135.912	30.096.552.844	(121.416.932)
6	Thu nhập khác	406.196.421	487.361.893	(81.165.472)
7	Chi phí khác	645.617.712	632.651.653	12.966.059
8	Chi phí thuế TNDN hiện hành	3.956.091.383	3.993.046.537	(36.955.154)
9	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	13.597.787.447	13.574.635.306	23.152.141

- Doanh thu và giá vốn: chênh lệch do kế toán công ty con và kiểm toán bên Campuchia xác định giai đoạn hoàn thành của công trình chưa nghiệm thu bàn giao trong năm 2015 khác nhau và do cách áp dụng tỷ giá như giải thích ở mục A.
- Doanh thu tài chính: Chênh lệch như giải thích ở công ty mẹ và do cách áp dụng tỷ giá như giải thích ở mục A.
- Chi phí lãi vay: Chênh lệch như giải thích ở công ty mẹ và do cách áp dụng tỷ giá như giải thích ở mục A.
- Chi phí quản lý doanh nghiệp: chênh lệch do kế toán công ty con và kiểm toán bên Campuchia phân bổ cho giai đoạn hoàn thành của công trình chưa nghiệm thu bàn giao trong năm 2015 khác nhau và do cách áp dụng tỷ giá như giải thích ở mục A.
- Thu nhập khác, chi phí khác: Chênh lệch như giải thích ở công ty mẹ và do cách áp dụng tỷ giá như giải thích ở mục A.
- Chi phí thuế TNDN hiện hành: Chênh lệch như giải thích ở công ty mẹ và do cách áp dụng tỷ giá như giải thích ở mục A.

2. Bảng cân đối kế toán

Mục C.I.3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước, chênh lệch 33.303.076 đồng do chênh lệch từ Báo cáo kết quả kinh doanh như trên và khoản 6.491.606 đồng kế toán hạch toán vào tài khoản 4212 không hạch toán qua tài khoản 8211.

Mục D.I.11. LNST chưa phân phối kỳ này, chênh lệch 33.303.076 đồng do chênh lệch như giải thích mục Thuế và các khoản phải nộp nhà nước.

- Tiền và các khoản tương đương tiền:

Stt	Nội dung	Quý IV (1)	Kiểm toán (2)	Chênh lệch (1) – (2)
1	Tiền	7.505.088.192	5.881.038.001	1.624.050.191
2	Các khoản tương đương tiền	5.734.608.490	7.362.138.384	1.627.529.894

Lý do: do kế toán và kiểm toán lấy chỉ tiêu khác nhau, cách áp dụng tỷ giá như giải thích ở mục A.

- Các khoản phải thu ngắn hạn:

Stt	Nội dung	Quý IV (1)	Kiểm toán (2)	Chênh lệch (1) – (2)
1	Phải thu ngắn hạn khác	1.422.443.173	6.478.565.531	(5.056.122.358)
2	Tài sản ngắn hạn khác	5.046.917.643	0	(5.046.917.643)

Lý do: do kế toán và kiểm toán lấy chỉ tiêu khác nhau, cách áp dụng tỷ giá như giải thích ở mục A.

- Tài sản cố định hữu hình:

Stt	Nội dung	Quý IV (1)	Kiểm toán (2)	Chênh lệch (1) – (2)
1	Nguyên giá	37.169.785.225	39.114.213.246	(1.944.428.021)
2	Giá trị hao mòn lũy kế	(7.231.189.552)	(7.623.729.941)	392.540.389

Lý do: do kiểm toán của công ty con và kiểm toán hợp nhất tách khoản đầu tư sân bóng là tài sản cố định và chi phí trả trước dài hạn, cách áp dụng tỷ giá như giải thích ở mục A.

- Tài sản dài hạn khác:

Stt	Nội dung	Quý IV (1)	Kiểm toán (2)	Chênh lệch (1) – (2)
1	Chi phí trả trước dài hạn	3.412.484.514	1.875.436.307	1.537.048.207

Lý do: do kiểm toán của công ty con và kiểm toán hợp nhất tách khoản đầu tư sân bóng là tài sản cố định và chi phí trả trước dài hạn, cách áp dụng tỷ giá như giải thích ở mục A.

- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối:

Stt	Nội dung	Quý IV (1)	Kiểm toán (2)	Chênh lệch (1) – (2)
1	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	5.012.472.301	4.502.651.724	509.820.577
2	LNST chưa phân phối kỳ này	13.083.089.710	13.220.361.304	137.271.594
3	Lợi ích của cổ đông thiểu số	4.439.017.022	4.791.544.477	352.527.455

Lý do: Chênh lệch như giải thích ở công ty mẹ và do cách áp dụng tỷ giá như giải thích ở mục A.

3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (theo phương pháp gián tiếp)

- Số liệu gửi lên hệ thống CIMS chưa đúng, do kế toán ở công ty mẹ tính theo số liệu quý IV/2015 mà không phải là số cả năm, đồng ý theo số liệu của Báo cáo kiểm toán cả năm 2015.

Công ty chúng tôi cam kết và hoàn toàn chịu trách nhiệm về các số liệu giải trình trên là hoàn toàn chính xác.

TM. CTCP TK – XD – TM PHÚC THỊNH
Tổng Giám đốc



Tô Khải Đạt

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu kế toán.

TO KHAI DAT